TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **107**/2019/DS-PT
Ngày: 26/9/2019
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch
Ông Nguyễn Duy Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Ngô Đình Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2019/DS-ST ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2019/QĐ-PT ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977. Địa chỉ:Thôn TT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

2.Bị đơn: Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1973. Địa chỉ:Thôn TT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lại Đức D, sinh năm 1970. Địa chỉ:Thôn TT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

***** Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thị Th.

(Bà V, bà Th, ông D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V: ngày 16/01/2014 bà có cho bà Đỗ Thị Th vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng. Đến ngày 10/11/2014 bà cho bà Th vay thêm 5.000.000đ. Tổng cộng số tiền 15.000.000đ. Quá trình vay, bà Th có trả cho bà tiền lãi đến ngày 16/11/2014. Từ đó đến nay mặc dù bà đòi nhiều lần nhưng bà Th không trả. Nay bà yêu cầu bà Th phải trả cho bà số tiền 15.000.000đ cùng lãi suất 4%/tháng,

tính từ ngày 17/11/2014 cho đến nay là 55 tháng, tiền lãi là 33.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 48.000.000đ.

2. Bị đơn bà Đỗ Thị Th trình bày: Việc bà vay tiền và trả lãi đến ngày 16/11/2014 như lời trình bày của bà V. Số tiền gốc còn lại cuối năm 2014 vợ chồng bà V, ông D đã đến thu hoạch cà phê của gia đình bà để cấn trừ số nợ 15.000.000đ. Đến nay bà không còn nợ bà V. Nếu còn nợ số tiền 15.000.000đ thì trước đây khi ông D, bà V khởi kiện yêu cầu bà trả nợ 111.328.000đ thì tại sao bà V ông D không khởi kiện luôn khoản nợ này. Vì vậy bà không chấp nhận trả cho bà V số nợ trên.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Đức D trình bày: Trước đây ông có cho vợ chồng bà Th vay số tiền 200.000.000đ, khi vay bà Th có thế chấp cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Quá trình vay bà Th có đến lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang nhượng cho người khác lấy tiền trả cho ông. Tuy nhiên, sau khi sang nhượng được một phần đất thì bà Th chỉ mới trả cho ông một khoản tiền gốc, còn nợ lại 111.328.000đ, bà Th xin khất lại và có giao cho ông tiếp tục tạm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng 1.950m^2 đất để làm tin và thỏa thuận miệng với nhau một năm sau nếu bà Th không trả được số nợ trên thì cấn trừ diện tích đất trên cho ông để trừ vào khoản tiền vay và ông được quyền thu hoạch cà phê trên diện tích đất 1.950m^2. Tuy nhiên, do cà phê trước đó bà Th bỏ hoang không chăm sóc nên sản lượng thu được không bao nhiêu. Khi đến hạn bà Th không trả tiền, đồng thời đòi giá đất quá cao, nên ông không đồng ý lấy đất cấn trừ nợ. Ông đã làm đơn khởi kiện và sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận. Đối với khoản tiền nợ 15.000.000đ này là khoản nợ riêng giữa vợ ông với bà Th, không liên quan gì đến nợ mà ông đã khởi kiện, còn việc bà Th cho rằng vợ chồng ông thu cà phê để cấn trừ số nợ 15.000.000đ thì ông không chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐR đã xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Buộc bà Đỗ Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền gốc là 11.975.000đ và tiền lãi là 3.740.000đ. Tổng cộng 15.715.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 10/7/2019, bị đơn bà Đỗ Thị Th kháng cáo một phần bản án không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả tiền lãi. Bà Nguyễn Thị V thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ đề nghị bà Th trả số tiền 15.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ, ý

kiến của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Th trả cho bà V số tiền là 15.000.000đ, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ việc ngày 30/10/2018, bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Th trả 15.000.000đ tiền gốc và 33.000.000đ tiền lãi đã vay (lãi suất 4%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 17/11/2014 là 55 tháng), tổng cộng 48.000.000đ. Bà Th cho rằng đã trả hết nợ nên không đồng ý trả nợ. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn: Bà Th không đồng ý trả số tiền lãi 3.740.000đ cho bà V vì thời hiệu yêu cầu trả lãi đã hết, bà chỉ đồng ý trả nợ gốc 11.740.000đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc"*. Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai và lời trình bày của bà Th và được xác minh tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thì thấy rằng, tại cấp sơ thẩm, bà Th không yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của bà V. Do đó, kháng cáo của bà Th là không có cơ sở để xem xét.

Bà V và bà Th đều thống nhất về lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, bà Th trình bày đã trả cho bà V 4.000.000đ tiền lãi trên số tiền vay 10.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận số tiền lãi 4.000.000đ/10 tháng là quá cao so với quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm đã tính toán tiền lãi phải trả theo quy định để cấn trừ vào khoản tiền gốc cho bị đơn là phù hợp. Do các khoản vay đều phát sinh trước thời điểm Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và các bên chưa thực hiện xong quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng nên cần áp dụng quy định của Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để tính lãi suất 1,125%/tháng (lãi suất ngân hàng 9%/năm x 150%). Như vậy, bà Th còn nợ bà V số tiền gốc 12.125.000đ và tiền lãi 7.692.797đ = 19.817.797đ.

Từ những phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng không đúng quy định về lãi, lãi suất, dẫn đến gây thiệt hại cho nguyên đơn. Tuy nhiên tại phiên tòa bà V chỉ yêu cầu bà Th trả 15.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu của bà V là tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, cần sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 15.000.000đ là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Th phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn bà V. Do sửa án nên bị đơn bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Th. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Buộc bà Đỗ Thị Th phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Đỗ Thị Th phải chịu 750.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003821 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐR. Bà Th còn phải nộp 450.000đ án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 1.000.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003671 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐR.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện ĐR;
- Chi cục THADS huyện ĐR;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Vân